

Bản Tổng Kết Hàng Năm, Năm Học 2007-2008

12521 Monroe Street
Garden Grove, CA 92841
Điện Thoại: (714) 663-6255
Trang Nhà: www.ggusd.us

Jeanne Clifford
Hiệu Trưởng

Laura Schwalm, Ph.D.
Trưởng Khu Học Chánh

Vài Nét về Nhà Trường

Là một trong 70 trường thuộc Khu Học Chánh Garden Grove, trường Tiểu Học Lawrence dạy từ mẫu giáo đến lớp 6 cho học sinh cư ngụ tại các thành phố Garden Grove và Stanton.

Sự Tham Gia của Phụ Huynh

Có nhiều cơ hội để phụ huynh tham gia các tổ chức phụ huynh hỗ trợ nhà trường, các câu lạc bộ hỗ trợ học sinh, các hội đồng nhà trường, và các uỷ ban cố vấn cấp khu học chánh.

Tại trường Tiểu Học Lawrence phụ huynh tham dự các sinh hoạt như đêm gặp gỡ giáo chức sau khi tựu trường (Back-to-School Night), buổi tiếp đón phụ huynh đến viếng lớp (Open House), các chương trình âm nhạc học kỳ mùa đông và mùa xuân, Hội Đồng Nhà Trường (School Site Council), Uỷ Ban Cố Vấn Học Sinh Trau Giồi Anh Ngữ (English Learner Advisory Committee), các buổi hướng dẫn cho phụ huynh, và Hội Phụ Huynh Học Sinh (PTO).

Xin liên lạc với hiệu trưởng của trường ở số (714) 663-6255 để biết rõ chi tiết về những sinh hoạt này.

Ban Giám Hiệu và Nhân Viên Yểm Trợ

Lãnh đạo giỏi là yếu tố cần thiết cho một trường học ưu tú. Trường Tiểu Học Lawrence được đặt dưới sự lãnh đạo của hiệu trưởng Jeanne Clifford, là một nhà giáo dục chuyên nghiệp với 36 năm kinh nghiệm. Bà được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Tiểu Học Lawrence vào năm 1999.

Ngoài hiệu trưởng, ban giám hiệu trường có các thầy cô giáo. Trong số những trách nhiệm của mình, ban giám hiệu cố vấn về chương trình học và các chương trình ngoại khóa.

Ngoài ban giám hiệu, thầy cô giáo và các nhân viên chuyên môn còn có những nhân viên yểm trợ được huấn luyện đặc biệt để giúp cho học sinh. Những nhân viên này gồm có:

- Nhân viên liên lạc cộng đồng (Community Liaison Worker)
- Nhân viên phụ trách trắc nghiệm (School Testing Clerk)
- huyên viên giao tiếp cộng đồng (Community Outreach Specialist)
- Giáo viên dạy thanh nhạc (Vocal Music Teacher)
- Các phụ giáo (Instructional Aides)
- Giáo viên dạy nhạc khí (Instrumental Music Teacher)
- Nhân viên thư viện (Library Aide)
- Chuyên viên tâm lý (Psychologist)
- Giáo viên dạy thể dục cho các em khuyết tật (Adapted P.E. Teacher)
- Giáo viên lớp bổ túc đặc biệt (Resource Specialist Teacher)
- Giáo viên lớp giáo dục đặc biệt trọn ngày (Special Day Class Teacher)
- Chuyên viên dạy phát âm và luyện ngữ (Speech and Language Pathologist)
- Giáo viên tư vấn chương trình Straight Talk (Straight Talk Counselor)
- Các giám thị giờ trưa (Noon Duty Supervisors)
- Y tá / Phụ tá y tế (Nurse/Health Assistant)
- Giáo viên bán thời gian (Part-Time Categorical Teacher)

Tôn Chỉ của Chúng Tôi

Hội Đồng Giáo Dục Khu Học Chánh Garden Grove có trách nhiệm cung cấp một chương trình giáo dục đặt trọng tâm vào thành tích học tập của học sinh, với tiêu chuẩn cao, và cơ hội cho tất cả học sinh đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết để có một cuộc sống có ích. Để thi hành trách nhiệm này, học sinh sẽ tham gia vào một chương trình giáo dục toàn diện được soạn thảo để đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Mục Tiêu của Chúng Tôi

Mục tiêu của Khu Học Chánh là bảo đảm tất cả học sinh khi ra trường có cùng cơ hội được chọn lựa đồng đều bao gồm việc học tiếp lên đại học bốn năm, học nghề, hoặc theo đuổi một ngành chuyên môn. Để có được cơ hội lựa chọn giữa những hướng đi khác nhau học sinh cần phải đạt mức thành thạo theo tiêu chuẩn tiểu bang ấn định về những môn học chính và trong việc sử dụng tiếng Anh. Sự thành thạo này sẽ giúp học sinh được học những lớp khó ở trường trung học và tốt nghiệp để sẵn sàng lên đại học hoặc theo đuổi nghề chuyên môn.



Các Chương Trình Giảng Dạy của Trường

Khu học chánh nhận được tài trợ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Trong số những chương trình đặc biệt, hiện nay tại trường có những chương trình sau đây:

- Chương trình GATE (Chương trình giáo dục dành cho học sinh có năng khiếu và giỏi)
- Chương trình giáo dục ngăn ngừa uống rượu hút thuốc (Alcohol and Tobacco Prevention Education)
- Các chương trình cho học sinh đang học tiếng Anh (Programs for English Language Learners)
 - ▶ Chương trình trợ cấp Khó Khăn Kinh Tế "Economic Impact Aid"
 - ▶ Các chương trình thu thập vốn Anh ngữ (English Language Acquisition Programs)
 - ▶ Chương trình Title III
- Chương trình Đọc Là Nền Tảng (Reading Is Fundamental - RIF)
- Chương trình giáo dục đặc biệt (Special Education)
- Chương trình cải tiến thư viện trường (School Library Improvement Program)
- Quỹ EETT tài trợ kỹ thuật cho trường (EETT School Technology Grant)
- Chương trình Title I
- Các chương trình học thêm ngoài giờ và học hè (Extended Day and Year Programs)
 - ▶ Các lớp dạy kèm sau giờ học cho học sinh gặp rắc rối khó khăn (After School Intervention Classes)
 - ▶ Các lớp sau giờ học giúp phát triển khả năng Anh ngữ (After School English Language Development Classes)
 - ▶ Lớp học hè và chương trình ELD (Summer School and ELD Academy)
- Chương trình Title IV (Trường Học và Cộng Đồng An Toàn và Không Có Ma Túy - Safe and Drug Free Schools and Communities)
- Chương trình Nhà Trẻ Tiểu Bang (State Preschool/AB 172)
- Chương trình giáo dục và an toàn sau giờ học (After School Education and Safety Program - ASES)
- Chương trình những hướng đi từ mẫu giáo đến lớp 6 (K-6 Pathways Program)

Khu Học Chánh Garden Grove nỗ lực giúp tất cả học sinh đều hưởng được chương trình giáo dục có phẩm chất cao theo tiêu chuẩn đã đề ra. Nhân viên nhà trường cùng quý vị phụ huynh trong toàn khu học chánh cùng tham gia để đề ra các quyết định thông qua các tổ chức như hội phụ huynh, hội đồng trường, Ủy Ban Cố Vấn Học Sinh Trau Giỏi Anh Ngữ. Tại các trường trung học, nhân viên và phụ huynh cũng cùng tham gia vào các câu lạc bộ hỗ trợ học sinh.

Để có một cái nhìn toàn diện về thành tích con em, nhà trường sẽ kết hợp các bài thi trắc nghiệm như CAT6, Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của California (California Standards Test), trắc nghiệm trình độ của khu học chánh đề ra với các bài thi khác do giáo viên hay các nhà xuất bản biên soạn, cùng với bài tập ở nhà, kết quả đánh giá qua các buổi dự lớp hoặc các tiểu án, tường trình và các bài thi dành cho các học sinh trong Chương Trình Trau Giỏi Anh Ngữ.

Các trường tiểu học thuộc Khu Học Chánh Garden Grove sẽ gửi về gia đình các em ba phiếu điểm và phiếu theo dõi tiến bộ học vấn mỗi tam cá nguyệt, nếu cần thiết. Mỗi năm sẽ họp giáo viên—phụ huynh hai lần.

Sử Dụng Internet Công Cộng

Những học sinh nào không có dịch vụ Internet tại nhà thì có thể sử dụng máy điện toán có Internet tại các thư viện công cộng tọa lạc trong Khu Học Chánh Garden Grove để tải xuống bài vở và xem Bản Tổng Kết Hàng Năm của Trường (School Accountability Report Cards). Xin xem dưới đây danh sách những thư viện trong vùng:

Thư Viện Công Cộng Anaheim (Anaheim Public Library)

Số điện thoại: (714) 765-1880

Địa chỉ Internet: www2.anaheim.net/custom.cfm?name=welcomelibrary.cfm

Thư Viện Công Cộng Quận Hạt Cam (Orange County Public Library)

Số điện thoại: (714) 566-3000

Địa chỉ Internet: www.ocpl.org

Dành cho những thành phố sau đây thuộc phạm vi Khu Học Chánh Garden Grove:

- Cypress
- Garden Grove
- Fountain Valley
- Stanton
- Westminster

Thư Viện Công Cộng Santa Ana (Santa Ana Public Library)

Số điện thoại: (714) 647-5250

Địa chỉ Internet: www.ci.santa-ana.ca.us/library/

Sách Giáo Khoa và Học Liệu: Hay, Mới và Có Sẵn Cho Các Em

Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 8 cho các môn Anh văn, toán, lịch sử - khoa học xã hội, y tế, ngoại ngữ, nghệ thuật hình ảnh - nghệ thuật trình diễn, và khoa học đã được khu học chánh chọn dựa theo sách đã được Bộ Giáo Dục tiểu bang chấp thuận. Hội Đồng Giáo Dục Khu Học Chánh Garden Grove đã chọn sách giáo khoa từ lớp 9 đến 12 cho những môn học kể trên. Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 của các môn toán, lịch sử-khoa học xã hội, khoa học, Anh văn bao gồm môn đọc, và ngoại ngữ đều theo sát với các tiêu chuẩn về nội dung đã được tiểu bang chấp thuận trong khuôn khổ của tiểu bang hoặc của quốc gia.

Tất cả học sinh trong Khu Học Chánh Garden Grove, kể cả học sinh đang học tiếng Anh, đều có đầy đủ sách giáo khoa và học liệu trong đó gồm dụng cụ phòng thí nghiệm khoa học ở cấp lớp 9 đến 12 ở tình trạng còn mới và còn tốt theo đúng các quy định của Bộ Giáo Dục. Sách giáo khoa và vật liệu học tập được cung cấp đầy đủ số lượng cho học sinh dùng trong lớp và mang về nhà.

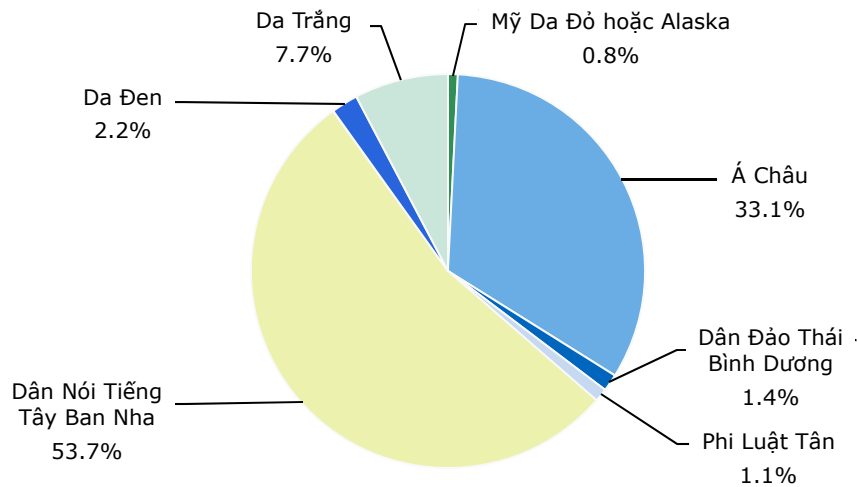
Sách giáo khoa các môn học chính hiện đang sử dụng tại trường và năm được chọn đưa vào sử dụng là:

| Môn Học | Sử Dụng Từ Năm |
|--|----------------|
| Độc/Các môn để luyện tiếng Anh | 2002-03 |
| Toán | 2000-01 |
| Lịch Sử - Khoa Học Xã Hội | 2007-08 |
| Khoa Học | 2007-08 |
| Nghệ Thuật Hình Ảnh - Nghệ Thuật Trình Diễn | 1998-99 |
| Y Tế (Cách Sống Lành Mạnh, Kỹ Năng Cần Thiết Trong Đời Sống) | 2004-05 |

* Dữ kiện này được khu học chánh thu thập và kiểm chứng vào tháng Mười Một 2007.

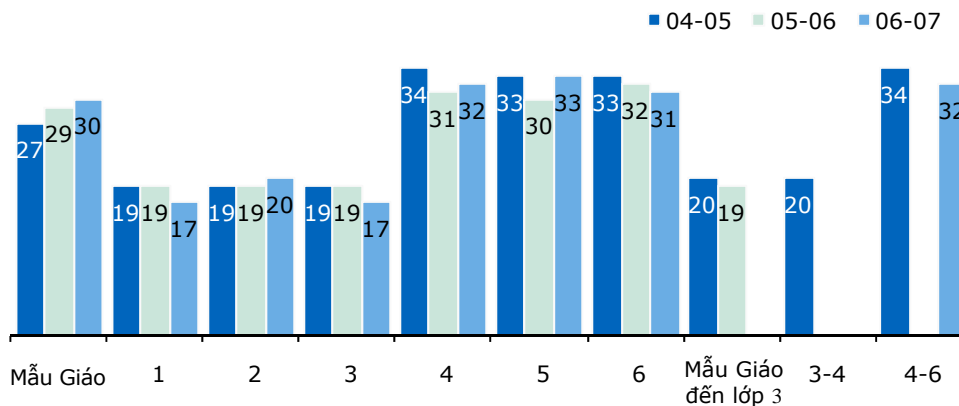
Số Học Sinh Ghi Danh và Thành Phần Sắc Dân

Trong năm học 2007-08 trường Tiểu Học Lawrence có tổng số 625 học sinh.



Sĩ Số Trong Lớp Theo Từng Cấp Lớp

Dưới đây là sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp trong 3 năm qua.



| Số Học Sinh Trong Mỗi Lớp — Số Lớp Tính Theo Sĩ Số Học Sinh | | | | | | | | | |
|---|---------|-------|-----|---------|-------|-----|---------|-------|-----|
| Lớp | 2004-05 | | | 2005-06 | | | 2006-07 | | |
| | 1-20 | 21-32 | 33+ | 1-20 | 21-32 | 33+ | 1-20 | 21-32 | 33+ |
| Mẫu Giáo | | 2 | | | 3 | | | 2 | |
| 1 | 4 | | | 4 | | | 6 | | |
| 2 | 5 | | | 4 | | | 4 | | |
| 3 | 6 | | | 4 | | | 5 | | |
| 4 | | 1 | 1 | | 3 | | | 2 | |
| 5 | | | 2 | | 4 | | | | 3 |
| 6 | | 1 | 1 | | 1 | 2 | | 3 | |
| Mẫu Giáo đến lớp 3 | 1 | | | 2 | | | | | |
| 3-4 | 1 | | | | | | | | |
| 4-6 | | | 2 | | | | | 1 | |

Sự An Toàn Ở Trường

Duy trì một môi trường học an toàn và trật tự là rất cần thiết cho việc học. Tất cả các trường trong khu học chánh đều đóng kín cổng và khách khi đến viếng thăm trường phải lập tức ghi tên tại văn phòng trường trước khi bước chân vào khuôn viên trường. Việc ra vào trường được ban giám hiệu, thầy cô giáo, và các nhân viên khác của trường theo dõi.

Tất cả các trường đều lập các ban bảo vệ an toàn cho nhân viên và phải có những kế hoạch tối hảo để bảo vệ an toàn cho trường được duyệt lại và cập nhật vào mỗi đầu năm học. Những kế hoạch bảo vệ an toàn này gồm có các biện pháp đối phó tình trạng khẩn cấp, hiểu rõ các cấp báo động về an ninh của Bộ Nội An, nội quy của trường và quy định về cách ăn mặc của học sinh.

Các ban bảo vệ an toàn cho trường gồm nhân viên ban giảng huấn và nhân viên văn phòng họp với nhau để bàn thảo về việc bảo vệ an toàn cho học sinh và toàn trường. Vào đầu năm học tất cả học sinh đều được phát cuốn cẩm nang an toàn khi có động đất. Các buổi thực tập phòng cháy được tổ chức hàng tháng tại các trường tiểu học, ít nhất một năm 4 lần tại các trường cấp trung, và một năm 2 lần tại các trường trung học. Các buổi thực tập ẩn núp (khi động đất và trong trường hợp khẩn cấp) được tổ chức mỗi ba tháng tại các trường tiểu học và ít nhất mỗi học kỳ một lần tại các trường cấp trung và trung học.



Tình Trạng Phòng Ốc của Trường – Kết Quả Kiểm Tra và Đánh Giá

Bảng dưới đây tóm tắt kết quả kiểm tra mới nhất về tình trạng sân bãi, phòng ốc, và phòng vệ sinh của trường. Mẫu Kiểm Tra Phòng Ốc (Facilities Inspection Tool, viết tắt là FIT) được dùng để ghi rõ phòng ốc ở trường có trong tình trạng “còn tốt” hay không dựa theo những yếu tố kiểm tra được liệt kê dưới đây. Phụ huynh có thể nói chuyện với hiệu trưởng để biết thêm chi tiết về tình trạng phòng ốc của trường.

| Tình Trạng và Những Sự Bảo Trì Phòng Ốc của Trường | | | | |
|--|--------------------|-----|-----|-----|
| Hạng Mục Đã Được Kiểm Tra | Tình Trạng Bảo Trì | | | |
| | Tốt | Khá | Xấu | |
| Khí đốt rò rỉ | ✓ | | | |
| Hệ thống máy móc | ✓ | | | |
| Cửa sổ / Cửa ra vào / Cổng (trong và ngoài) | ✓ | | | |
| Bề mặt bên trong (tường, sàn, và trần) | ✓ | | | |
| Vật liệu nguy hiểm (trong và ngoài) | ✓ | | | |
| Cấu trúc hư hại | ✓ | | | |
| An toàn hỏa hoạn | ✓ | | | |
| Điện (trong và ngoài) | ✓ | | | |
| Sâu mọt/Chuột bọ phá hoại | ✓ | | | |
| Vòi nước uống (trong và ngoài) | ✓ | | | |
| Phòng vệ sinh | ✓ | | | |
| Cống rãnh | ✓ | | | |
| Sân chơi/Sân trường | ✓ | | | |
| Mái nhà | ✓ | | | |
| Tình trạng sạch sẽ tổng quát | ✓ | | | |
| Tóm Tắt Tổng Quát Tình Trạng Phòng Ốc | | | | |
| Hạng Mục Được Kiểm Tra | Rất tốt | Tốt | Khá | Xấu |
| Tóm tắt tổng quát | | ✓ | | |

Ngày kiểm tra trường và hoàn tất mẫu FIT: Tháng Mười Một 2007

Phát Triển Nghiệp Vụ

Chương trình phát triển nghiệp vụ của Khu Học Chánh Garden Grove đặt trọng tâm vào phương pháp giảng dạy dựa trên sự nghiên cứu và có 4 phần: huấn luyện sơ khởi, dạy biểu diễn, hướng dẫn, và huấn luyện ở cấp thứ nhì. Việc sử dụng dữ kiện về thành tích học tập của học sinh cũng giúp cho khu học chánh thấy rõ mục tiêu và kỳ vọng để vạch kế hoạch huấn luyện tại chức cho thầy cô giáo và phụ giáo.

Vào cuối tháng 8, khu học chánh tổ chức các buổi hội thảo chuyên sâu trong 5 ngày liên tiếp để cung cấp kiến thức mới và nâng cao năng lực cho giáo viên nhằm chuẩn bị cho năm học mới. Trong khi đó thì trong suốt năm học nhân viên nhà trường có cơ hội phát triển nghiệp vụ vào sau giờ học hoặc vào những ngày trường nghỉ sớm. Trường thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện dùng giáo trình của khu học chánh, về kỹ thuật, và về phương pháp giảng dạy dựa trên sự nghiên cứu. Ngoài những đợt huấn luyện tại chức này, mỗi năm khu học chánh dành riêng một ngày để phát triển nghiệp vụ cho tất cả giáo viên trong khu học chánh.

Giáo viên mới vào nghề được tham dự chương trình huấn luyện bao quát BTSAs để làm quen với công việc: Cách đứng lớp, chương trình cơ bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp giáo viên-phụ huynh, và phương pháp giảng dạy dựa trên sự nghiên cứu là vài trong số những chủ đề huấn luyện cho giáo viên mới vào nghề.

Tình Trạng Phòng Ốc của Trường – Tin Tức Tổng Quát

Khu Học Chánh Garden Grove hãnh diện đã duy trì được phòng ốc sạch đẹp, giúp ích cho việc giảng dạy và học tập. Ban vệ sinh trường và ban bảo trì của khu học chánh tổ chức một hệ thống kiểm tra nhằm bảo đảm tất cả phòng ốc, sân bãi, đều sạch sẽ, an toàn, được bảo quản kỹ để toàn cơ sở trong tình trạng còn tốt. Tất cả phòng học, sân chơi và nơi làm việc của nhân viên đều đáp ứng các quy định của Bộ Luật Giáo Dục về mật độ của mỗi phòng hay sân chơi.

Hội Đồng Giáo Dục đã chuẩn thuận một chương trình bảo quản 5 năm để nâng cấp trường lớp, trong khi đó các dự án sửa sang lớn được chuẩn thuận hàng năm khi có nhu cầu. Một nhóm thuộc khu học chánh chuyên đi tẩy xóa hình chữ vẽ bậy nhằm giúp gìn giữ trường lớp đẹp đẽ.

Trường Tiểu Học Lawrence khai khoá vào năm 1958. Trường có 22 phòng học cố định và 14 phòng học tiền chế. Ngoài ra, trường còn có một phòng thực tập máy điện toán, một phòng đa dụng, và một phòng của giáo viên.

Những chương trình tu bổ vừa hoàn tất tại trường trong thời gian gần đây gồm có việc lắp đặt hai phòng học tiền chế để có thể chứa đủ học sinh nhà trẻ.

Đuổi Học Tạm Thời và Đuổi Luôn

| Tỷ Lệ Học Sinh Bị Đuổi Học Tạm Thời và Bị Đuổi Luôn | | | | | | |
|---|---------|---------|---------|---------------|---------|---------|
| | Trường | | | Khu Học Chánh | | |
| | 2004-05 | 2005-06 | 2006-07 | 2004-05 | 2005-06 | 2006-07 |
| Tỷ Lệ Bị Đuổi Học Tạm Thời | 0.018 | 0.008 | 0.015 | 0.031 | 0.026 | 0.025 |
| Tỷ Lệ Bị Đuổi Luôn | 0.000 | 0.000 | 0.000 | 0.0002 | 0.0001 | 0.000 |

Đuổi Học Tạm Thời và Đuổi Luôn

Bảng kế bên trình bày tỷ lệ học sinh bị đuổi học tạm thời và bị đuổi luôn ở cấp trường và ở cấp khu học chánh trong khoảng thời gian 3 năm trở lại đây.

Các Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang

| Tỷ Lệ Phần Trăm Học Sinh Đạt Trình Độ Thông Thạo hoặc Cao | | | | | | | | | |
|---|--------|-------|-------|---------------|-------|-------|----------------------|-------|-------|
| | Trường | | | Khu Học Chánh | | | Tiểu Bang California | | |
| Năm Kiểm Tra | 04-05 | 05-06 | 06-07 | 04-05 | 05-06 | 06-07 | 04-05 | 05-06 | 06-07 |
| Anh Văn | 37% | 35% | 40% | 40% | 43% | 45% | 40% | 42% | 43% |
| Toán | 50% | 52% | 52% | 47% | 49% | 47% | 38% | 40% | 40% |
| Khoa Học | 25% | 24% | 14% | 30% | 41% | 46% | 27% | 35% | 38% |

Các Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của California (California Standards Tests)

Các Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của California chỉ dành cho học sinh tại các trường công trong tiểu bang California. Các trắc nghiệm này nhằm đánh giá thành quả học tập của học sinh so với các tiêu chuẩn giáo dục của tiểu bang California (California Academic Content Standards) và nhận xét về trình độ của các em dựa trên kiến thức về từng môn học theo cấp lớp.

Vì các trắc nghiệm nhằm để đo lường mức độ học sinh đạt được các tiêu chuẩn hơn là để so sánh với các học sinh khác nên kết quả được báo cáo theo trình độ. Có năm trình độ là:

- **Cao (Advanced)**
(vượt tiêu chuẩn tiểu bang)
- **Thông Thạo (Proficient)**
(đạt tiêu chuẩn tiểu bang)
- **Căn Bản (Basic)**
- **Hơi Kém (Below Basic)**
- **Quá Kém (Far Below Basic)**

Khi học sinh đạt trình độ thông thạo hoặc cao thì có nghĩa là học sinh đạt các tiêu chuẩn của tiểu bang về môn học đó.

Bảng kế bên trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo hoặc cao ở môn Anh văn, toán và khoa học. Để có bản tường trình đầy đủ tất cả các môn và điểm số theo cấp lớp, xin ghé vào địa chỉ: <http://star.cde.ca.gov/>.

Kết Quả Bài Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của California Theo Phân Nhóm thuộc các môn: Anh Văn, Toán, Khoa Học

| Tỷ Lệ Phần Trăm Học Sinh Đạt Trình Độ Thông Thạo hoặc Cao | | | |
|---|------------------------------|------|----------|
| | Kết Quả Học Kỳ Mùa Xuân 2007 | | |
| Phân Nhóm | Anh Văn | Toán | Khoa Học |
| Nam sinh | 40% | 53% | 16% |
| Nữ sinh | 39% | 52% | 13% |
| Học sinh nghèo | 39% | 50% | 15% |
| Học sinh trau dồi tiếng Anh | 27% | 46% | 2% |
| Học sinh khuyết tật | 14% | 25% | ❖ |
| Học sinh nhận dịch vụ di chuyển trường theo cha mẹ | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da đen | 36% | 45% | ❖ |
| Học sinh da đỏ hoặc gốc Alaska | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc Á Châu | 55% | 76% | 22% |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 27% | 36% | 9% |
| Học sinh gốc đảo Thái Bình Dương | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da trắng | 44% | 49% | 21% |

❖ Trường hợp chỉ có 10 học sinh dự thi hay ít hơn thì trường sẽ không công bố kết quả điểm thi vì hai lý do: giữ kín danh tánh học sinh và về thống kê, như vậy không chính xác.

Trắc Nghiệm Dựa Theo Định Chuẩn (Norm-Referenced Test) (chỉ dành cho lớp 3 mà thôi)

Trắc Nghiệm Dựa Theo Định Chuẩn (norm-referenced test, viết tắt là NRT) mà hiện nay là CAT/6 (Trắc Nghiệm của Tiểu Bang California về trình độ học vấn, ấn bản số 6), cho biết học lực của học sinh các lớp 3 và lớp 7 mà thôi so với học sinh trên toàn quốc trong các môn đọc, Anh văn, đánh vần, và toán. Kết quả được báo cáo theo tỷ lệ phần trăm học sinh dự thi đạt hay vượt mức trung bình toàn quốc (ở mức phân vị 50 phần trăm). Thông tin chi tiết về kết quả trắc nghiệm NRT cho từng cấp lớp có thể được tìm thấy ở trang nhà của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California tại địa chỉ <http://star.cde.ca.gov/>. Xin lưu ý: Để bảo đảm sự riêng tư của học sinh, trường sẽ không công bố kết quả điểm thi khi chỉ có 10 học sinh dự thi hay ít hơn.

Các bảng dưới đây trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hay vượt mức phân vị 50 phần trăm (mức trung bình toàn quốc) trong môn đọc và toán. Bảng đầu tiên so sánh kết quả của trường với kết quả của khu học chánh và của tiểu bang trong 3 năm trở lại đây. Bảng thứ nhì được tách ra theo phân nhóm và trình bày kết quả kiểm tra cho năm học 2006-07.

| Tỷ Lệ Phần Trăm Học Sinh Đạt Hay Vượt Mức Phân Vị 50 Phần Trăm | | | | | | |
|--|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | Đọc | | | Toán | | |
| | 2004-05 | 2005-06 | 2006-07 | 2004-05 | 2005-06 | 2006-07 |
| Trường | 30% | 24% | 30% | 52% | 60% | 57% |
| Khu Học Chánh | 39% | 40% | 42% | 56% | 58% | 57% |
| Tiểu Bang California | 41% | 42% | 42% | 52% | 53% | 53% |

Kết Quả Trắc Nghiệm Dựa Theo Định Chuẩn Theo Phân Nhóm: Đọc và Toán (chỉ dành cho lớp 3 mà thôi)

| Tỷ Lệ Phần Trăm Học Sinh Đạt Hay Vượt Mức Phân Vị 50 Phần Trăm | | |
|--|------------------------------|------|
| Phân nhóm | Kết Quả Học Kỳ Mùa Xuân 2007 | |
| | Đọc | Toán |
| Nam sinh | 29% | 52% |
| Nữ sinh | 31% | 62% |
| Học sinh nghèo | 28% | 53% |
| Học sinh trau dồi tiếng Anh | 18% | 49% |
| Học sinh khuyết tật | ❖ | ❖ |
| Học sinh nhận dịch vụ học sinh di chuyển trường theo cha mẹ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da đen | ❖ | ❖ |
| Học sinh da đỏ hoặc gốc Alaska | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc Á Châu | 31% | 73% |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 22% | 45% |
| Học sinh gốc đảo Thái Bình Dương | ❖ | ❖ |
| Học sinh da trắng | 55% | 55% |

❖ Trường hợp chỉ có 10 học sinh dự thi hay ít hơn thì trường sẽ không công bố kết quả điểm thi vì hai lý do: giữ kín danh tánh học sinh và về thống kê, như vậy không chính xác.

Kiểm Tra của Tiểu Bang California về Tình Trạng Thể Chất (California Physical Fitness Test)

Vào mỗi mùa xuân, tất cả học sinh các lớp 5, 7, và 9 phải tham dự cuộc Kiểm Tra của Tiểu Bang California về Tình Trạng Thể Chất (California Physical Fitness Test, viết tắt là PFT). Cuộc kiểm tra này nhằm xem xét 6 yếu tố duy trì thể chất khoẻ mạnh:

1. Sự điều hoà hơi thở (Aerobic Capacity)
2. Thân hình đều đặn (Body Composition)
3. Sức mạnh ở vùng bụng (Abdominal Strength)
4. Sức cơ giãn của thân hình (Trunk Extension Strength)
5. Sức mạnh phần trên cơ thể (Upper Body Strength)
6. Sự dẻo dai của cơ thể (Flexibility)

Để đạt tiêu chuẩn thể chất tốt, học sinh phải đạt điểm trong ô thể chất sức khỏe tốt (Healthy Fitness Zone, viết tắt là HFZ) thuộc tất cả sáu lãnh vực kiểm tra. Trong năm học 2006-07, 2.3% phần trăm học sinh lớp 5 tại trường đạt điểm trong ô HFZ. Để biết thêm chi tiết về cuộc giám định của Tiểu Bang California về Tình Trạng Thể Chất, xin ghé vào địa chỉ: www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/.



Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress) (2006-07)

| Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (AYP) | | | | |
|--------------------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| | Trường | | Khu Học Chánh | |
| Đạt Toàn Bộ Mức AYP | Có | | Không | |
| Tiêu Chuẩn của Mức AYP | Anh văn | Toán | Anh văn | Toán |
| Tỷ Lệ Tham Gia | Có | Có | Có | Có |
| Phần Trăm Đạt Mức Thông Thạo | Có | Có | Không | Có |
| Chỉ Số API | Có | | Có | |
| Tỷ Lệ Tốt Nghiệp | ✧ | | Có | |

✧ n/a có nghĩa là không áp dụng hoặc không có. Tỷ lệ tốt nghiệp theo tiêu chuẩn AYP áp dụng cho các trường trung học.

Chỉ Số Về Trình Độ Học (Academic Performance Index)

| Phân Hạng Chỉ Số về Trình Độ Học (API) – So Sánh Trong 3 Năm | | | |
|--|---------|---------|---------|
| | 2003-04 | 2004-05 | 2005-06 |
| Phân Hạng API Trên Toàn Tiểu Bang | 6 | 5 | 5 |
| Phân Hạng API của Các Trường Tương Đương | 7 | 8 | 4 |

| So Sánh Trong 3 Năm Sự Tiến Triển về Chỉ Số về Trình Độ Học (API) Theo Nhóm Học Sinh | | | | |
|---|-----------------------------|---------|---------|--------------------------|
| Nhóm | Chỉ Số API Thật Sự Thay Đổi | | | Điểm API Năm Học 2006-07 |
| | 2004-05 | 2005-06 | 2006-07 | |
| Tất cả học sinh tại trường | -6 | -1 | 12 | 751 |
| Học sinh da đen | ■ | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh da đỏ hoặc gốc Alaska | ■ | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh gốc Á Châu | -25 | -2 | -7 | 817 |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ■ | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh gốc nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 0 | -7 | 12 | 693 |
| Học sinh gốc đảo Thái Bình Dương | ■ | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh da trắng | ■ | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh nghèo và thiệt thòi xã hội | -3 | -8 | 20 | 741 |
| Học sinh trau dồi tiếng Anh | + | 20 | 10 | 750 |
| Học sinh khuyết tật | + | ■ | ■ | ■ |

* Điểm chỉ số API của học sinh đang học tiếng Anh và học sinh bị khuyết tật đã được báo cáo lần đầu tiên trong chu kỳ API năm học 2005-06.

■ Chỉ báo cáo dữ kiện cho các phân nhóm có số lượng đáng kể.

Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress)

Đạo luật Giáo Dục Cho Mọi Trẻ Em (NCLB Act) của liên bang quy định rằng tất cả trường và khu học chánh phải đạt được các quy định về Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress, viết tắt là AYP). Để đạt được các tiêu chuẩn này, các trường công và khu học chánh tại tiểu bang California phải đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong 4 lãnh vực:

1. Tỷ lệ học sinh tham gia trong các cuộc kiểm tra đánh giá trên toàn tiểu bang
2. Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt mức thông thạo trong các cuộc kiểm tra đánh giá của tiểu bang
3. Điểm số API
4. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học

Để có bản tường trình chi tiết về Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm, xin ghé vào địa chỉ www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/.

Chỉ Số Về Trình Độ Học (Academic Performance Index)

Chỉ Số Về Trình Độ Học (viết tắt là API) là sự đo lường hàng năm về trình độ học và sự tiến bộ của các trường tại California. Chỉ số API dựa trên thang điểm từ 200 đến 1,000, với 800 điểm được ấn định là mục tiêu cho toàn tiểu bang. Các trường được phân theo 10 hạng mục cùng cỡ từ 1 (thấp nhất) đến 10 (cao nhất). Trường được so sánh với 100 trường khác có "cùng các đặc tính" dựa theo thống kê. Các bảng kế bên trình bày dữ kiện về phân hạng API và sự tăng trưởng API của trường trong 3 năm qua. Để biết thêm chi tiết, xin ghé vào địa chỉ www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/.

Ghi Chú về Việc Trắc Nghiệm: Số liệu báo cáo chỉ nêu những nhóm học sinh chiếm đa số. Các trường nào (1) có các nhóm học sinh dưới 100 em thì chưa có số liệu HOẶC (2) các nhóm học sinh chỉ chiếm 15% trên tổng số học sinh toàn trường và có dưới 50 em đạt điểm hợp lệ cũng không có số liệu cụ thể.

Những Lớp Dạy Các Môn Chính Được Giảng Dạy Bởi Các Giáo Viên Thuộc Chương Trình Giáo Dục Cho Mọi Trẻ Em (2006-07)

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm những môn học chính được giảng dạy bởi các giáo viên thuộc lẫn không thuộc chương trình Giáo Dục Cho Mọi Trẻ Em (NCLB) tại trường này, tại tất cả trường trong khu học chánh, tại các trường có tỷ lệ cao học sinh nghèo, và tại các trường có tỷ lệ thấp học sinh nghèo trong khu học chánh. Có thể tìm hiểu thêm nhiều thông tin về tiêu chuẩn trình độ giáo viên theo quy định của chương trình NCLB tại trang nhà của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California ở địa chỉ: <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

| Những Môn Chính Do Giáo Viên Thuộc Chương Trình NCLB (Chương Trình Giáo Dục Cho Mọi Trẻ Em) Giảng Dạy | | |
|---|--|--|
| | % Các Lớp Do Giáo Viên Thuộc Chương Trình NCLB Giảng Dạy | % Các Lớp Do Giáo Viên Không Thuộc Chương Trình NCLB Giảng Dạy |
| Trường Đây | 100.0% | 0.0% |
| Tất Cả Trường Trong Khu Học Chánh | 98.1% | 1.9% |
| Các trường có tỷ lệ cao học sinh nghèo trong khu học chánh | 100.0% | 0.0% |
| Các trường có tỷ lệ thấp học sinh nghèo trong khu học chánh | 98.4% | 1.6% |

Khả Năng Giảng Dạy của Giáo Viên

Bảng dưới đây trình bày con số giáo viên được phân bổ đến trường với bằng sư phạm thực thụ, không có bằng sư phạm thực thụ, và những thầy cô giáo dạy ngoài lãnh vực chuyên môn. Có thể tìm các chi tiết về khả năng chuyên môn của giáo viên tại trang nhà của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California ở địa chỉ: <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

| Thông Tin về Bằng Sư Phạm của Giáo Viên | | | | |
|---|---------------|---------|---------|---------|
| Giáo Viên | Khu Học Chánh | Trường | | |
| | | 2004-05 | 2005-06 | 2006-07 |
| Có Bằng Sư Phạm | 2,161 | 33 | 33 | 31 |
| Không Có Bằng Sư Phạm | 41 | 0 | 0 | 0 |
| Dạy Ngoài Lãnh Vực Chuyên Môn | | 0 | 0 | 0 |

Việc Phân Bổ Giáo Viên Không Đúng Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

| Việc Phân Bổ Giáo Viên Không Đúng Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống | | | |
|--|---------|---------|---------|
| | 2005-06 | 2006-07 | 2007-08 |
| Việc Phân Bổ Không Đúng Phép Giáo Viên Môn Anh Văn | 2 | 2 | 0 |
| Tổng Số Việc Phân Bổ Giáo Viên Không Đúng Phép | 2 | 2 | 0 |
| Các Vị Trí Còn Thiếu Giáo Viên | 0 | 0 | 0 |



Việc Phân Bổ Giáo Viên Không Đúng Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng kể bên trình bày con số các việc phân bổ không đúng phép (là các giáo viên được phân bổ mà không có sự cho phép hợp lệ theo luật) và con số các vị trí giáo viên còn trống (là những vị trí không được đảm nhận bởi một giáo viên được phân bổ dạy trọn một môn học vào đầu năm học hay vào đầu học kỳ) tại trường. Tổng số các việc phân bổ giáo viên không đúng phép bao gồm cả con số những sự phân bổ không đúng phép các giáo viên dạy tiếng Anh.

Chương Trình Theo Dõi và Can Thiệp của Liên Bang

| Chương Trình Theo Dõi và Can Thiệp của Liên Bang (Federal Intervention Program) | | |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| | Trường | Khu Học Chánh |
| Tình Trạng của Chương Trình Cải Tiến Chương Trình Học (PI) | Không có trong chương trình PI | Không có trong chương trình PI |
| Năm Đầu Cải Tiến Chương Trình Học | ◇ | ◇ |
| Số Năm Trong Chương Trình Cải Tiến Chương Trình Học | ◇ | ◇ |
| Tổng Số Trường Phải Cải Tiến Chương Trình Học | | 5 |
| Tỷ Lệ Phần Trăm Các Trường Phải Cải Tiến Chương Trình Học | | 7.5% |

◇ n/a có nghĩa là không áp dụng hoặc không có. Trường này không phải là trường phải cải tiến chương trình học.

Thông Tin về Lương Bổng của Khu Học Chánh, Năm Học 2005-06 *

| Thông Tin về Lương Bổng của Khu Học Chánh | | |
|---|----------------------------|----------------------------|
| Mức Lương | Khu Học Chánh Garden Grove | Khu Học Chánh Khác Cùng Cỡ |
| Lương Giáo Viên Mức Khởi Đầu | \$44,747 | \$38,937 |
| Lương Giáo Viên Mức Trung Bình | \$72,426 | \$61,080 |
| Lương Giáo Viên Mức Cao Nhất | \$87,410 | \$76,443 |
| Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng | \$103,140 | \$99,694 |
| Lương của Trường Khu Học Chánh | \$220,004 | \$195,054 |
| % Ngân Sách Dành Trả Lương Cho Giáo Viên | 43.57% | 40.13% |
| % Ngân Sách Dành Trả Lương Cho Nhân Viên Hành Chánh | 4.12% | 5.379% |

* Thông tin tài chánh mới nhất do tiểu bang cung cấp.

Thông Tin Tài Chánh Năm Học 2005-06 *

| Dữ Kiện Tài Chánh của Trường | | |
|----------------------------------|---|---|
| Tổng Số Chi Phí Cho Một Học Sinh | Tổng Số Chi Phí Cho Một Học Sinh Với Nguồn Tiền Bị Giới Hạn | Tổng Số Chi Phí Cho Một Học Sinh Với Nguồn Tiền Không Bị Giới Hạn |
| \$7,269 | \$2,528 | \$4,741 |

| So Sánh Vài Số Liệu Tài Chánh | | |
|--|---|--------------------------------|
| | Tổng Số Chi Phí Cho Một Học Sinh Với Nguồn Tiền Không Bị Giới Hạn | Lương Trung Bình của Giáo Viên |
| Trường | \$4,741 | \$70,651 |
| Khu Học Chánh | \$4,970 | \$69,861 |
| Tiểu Bang | \$4,943 | \$60,032 |
| % Khác Biệt Giữa Trường và Khu Học Chánh | -4.83% | 1.12% |
| % Khác Biệt Giữa Trường và Tiểu Bang | -4.27% | 15.03% |

* Thông tin tài chánh mới nhất do tiểu bang cung cấp.

Chương Trình Theo Dõi và Can Thiệp của Liên Bang (Federal Intervention Program)

Nếu không đạt được Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress, viết tắt là AYP) trong 2 năm liên tiếp trong cùng một nội dung học (Anh Văn hoặc Toán) hoặc trên cùng một chỉ số (chỉ số API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp) thì những trường đang nhận tài trợ của chương trình Title I phải tham gia vào chương trình Cải Tiến Chương Trình Học (Program Improvement, gọi tắt là PI). Mỗi năm mà trường không đạt được mục tiêu AYP thì mức độ theo dõi và can thiệp sẽ tăng lên. Muốn biết thêm chi tiết, xin ghé vào địa chỉ: www.cde.ca.gov/ta/ac/ay.



SARC: Muốn biết thêm thông tin về các trường và khu học chánh tại California, xin ghé vào DataQuest tại địa chỉ: <http://data1.cde.ca.gov/dataquest>.

DataQuest là một nguồn thông tin trực tuyến cung cấp các bản báo cáo gồm có bản tổng kết hàng năm của trường, kết quả trắc nghiệm, số học sinh ghi danh, số học sinh tốt nghiệp, số học sinh bỏ học, số học sinh ghi danh trong các lớp, nhân viên nhà trường và các dữ kiện về các học sinh đang học tiếng Anh.

Tất cả dữ kiện chính xác tính đến thời điểm: Tháng Giêng 2008.